TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /2018/QĐST- DS	*Phong Điền, ngày 02 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị ;

Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị .

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung C:

Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Ông Hoàng P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ông P đã lập giấy ủy quyền ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị S).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị S thừa nhận từ tháng 01/2015 đến ngày 25/4/2016 đã vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thu M và ông Nguyễn Trung C nhiều lần, đến nay vợ chồng bà S còn nợ của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu M và ông Nguyễn Trung C số tiền nợ gốc là 92.750.000 đồng (Chín mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Các đương sự thỏa thuận phương thức và thời gian trả nợ như sau:

Bà Nguyễn Thị S và ông Hoàng P có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 92.750.000 đồng (Chín mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu M và ông Nguyễn Trung C, hạn cuối vào ngày 25 tháng 04 năm 2018.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn là bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền phải nộp là (92.750.000 x 5%)/2 = 2.318.750 đồng ((Làm tròn số: 2.318.000 đồng (Hai triệu ba trăm mười tám ngàn đồng chẵn)).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.493.750 đồng (Bảy triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003527 ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TT Huế;
-VKSND huyện Phong Điền;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS huyện Phong Điền;
-Lưu hồ sơ.